

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 -6-2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thanh Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Thân

2. Bà Nguyễn Thị Chung.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc C trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/11/2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 chị T bỏ nhà đi mà không rõ lý do. Anh C đã tìm kiếm, hỏi thăm hai bên gia đình nội, ngoại và bạn bè nhưng gia đình, người thân không ai biết chị Tú đi đâu, làm gì. Anh C đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung tuyên bố chị Tú mất tích. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc C khai, anh và chị Nguyễn Thị T có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/11/2014. Khi chị T bỏ đi, chị Tú mang theo cháu T. Anh C đề nghị để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Nguyễn Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập chị Nguyễn Thị T đến Tòa án để viết bản khai nhưng chị T không có mặt, nên không có lời khai của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc C và giao Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/11/2014 cho chị T trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với chị Nguyễn Thị T để tham gia phiên hoà giải nhưng chị T không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tòa án cũng đã triệu tập chị Tú lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị Tú vẫn không có mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Tú là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc C khai anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/11/2013. Anh C cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Hà Tiến cấp, trong đó xác định ngày đăng ký kết hôn là ngày 15/11/2013 và chị Nguyễn Thị T là vợ anh Nguyễn Ngọc C. Như vậy đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì chị T bỏ nhà đi mà không rõ lý do cho đến nay, không ai có tin tức gì về chị T. Anh C đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung tuyên bố chị T mất tích. Tại quyết định số 03/2019/QĐDS-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã chấp nhận yêu cầu của anh C, tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích. Nay anh C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết

ly hôn với chị T, cần căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc C khai anh và chị Nguyễn Thị T có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/11/2014. Anh C cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao trích lục khai sinh của cháu T, thể hiện cháu T là con chung của anh C và chị T. Mặt khác, cháu T sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu T là con chung của anh C và chị T. Từ khi chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú, cháu T đi cùng với chị T từ đó đến nay, anh C cũng không biết cháu T đang ở đâu. Vì vậy, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản: Anh Nguyễn Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 6; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc C và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 22/11/2014 là con chung của anh C và chị T. Giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C về cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005334 ngày

04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh C còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trịnh Thanh Hương**